

324.259 707 095 977 5

ĐC

N 114 M

CỘNG SẢN VIỆT-NAM
THỊ-TRƯỜNG BIÊN-HOÀ

50 năm
THÀNH PHỐ

BIÊN HOÀ

★ lịch sử truyền thông địa phương

55 NĂM
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
(Sơ thảo)

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

55 NĂM

**THÀNH PHỐ
BIÊN HÒA**

(1930 – 1985)

**THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**BẢN TUYÊN GIÁO THÀNH ỦY BIÊN HÒA
— PHÁT HÀNH NĂM 1988. —**

Lời giới thiệu

LỊCH sử truyền thống của nhân dân thành phố Biên Hòa 55 năm qua gắn liền với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Lịch sử đấu tranh vẻ vang của thành phố Biên Hòa là một trong những thành tố tạo nên lịch sử của cả nước từ khi có Đảng. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhân dân thành phố Biên Hòa mong muốn có một quyển lịch sử truyền thống của quê hương do chính mình xây dựng. Nhằm đáp ứng tình cảm đó, Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Biên Hòa (nhiệm kỳ III và IV) đã chỉ đạo tổ chức sưu tầm và biên soạn quyển lịch sử này.

Sau một thời gian dài thực hiện, quyển sơ thảo lịch sử của Đảng bộ và nhân dân thành phố Biên Hòa đã hình thành, với tên gọi: 55 năm Thành phố Biên Hòa.

Quá trình thực hiện công trình này, những người biên soạn đã gặp không ít khó khăn, phức tạp. Ngoài khó khăn chung của công tác viết sử, đặc điểm của thành phố Biên Hòa còn có những khó khăn riêng về nhiều mặt, buộc người viết phải hết sức công phu mới có thể diễn tả hợp lý. Là vùng đô thị, những năm chiến tranh, nơi đây là hậu cứ có tầm cỡ của địch nên phương châm chỉ đạo hoạt động của Đảng và tính chất các phong trào đấu tranh của quần chúng không giống như các địa bàn khác. Đặc biệt, trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, cán bộ, chiến sĩ của thành phố phải trực tiếp bám trụ trong dân, sống trong lòng địch mà hoạt động. Dưới sự kềm kẹp, không chế của kẻ thù, các lực lượng cách mạng ở đây đã kết hợp chặt chẽ, bằng nhiều hình thức đấu tranh phong phú, linh hoạt: vừa đấu tranh vũ trang (nhỏ, vừa và lớn), vừa đấu tranh chính trị, vừa diệt ác phá kềm; binh, địch vận đã tạo ra thế thường xuyên không ổn định cho địch, buộc chúng liên tục bị động đối phó với ta. Điều nổi bật, cũng là mấu chốt của sự phức tạp lịch sử ở đây là chúng ta đã không cho kẻ thù có một hậu phương ổn định, một sào huyệt an toàn.

Một khó khăn khác của quá trình biên soạn là địa bàn thành phố thường xuyên thay đổi địa giới theo từng

glai đoạn biến động lịch sử. Nhiều lần tách hoặc nhập địa bàn, hình thành nhiều tên gọi khác nhau cho nhiều phạm vi rộng, hẹp khác nhau mang tính chia cắt, xáo trộn khá lớn (có liên quan đến nhiều địa phương lân cận trong và ngoài tỉnh hiện nay). Tình trạng đó, việc thể hiện lịch sử là cả một vấn đề không dễ dàng.

Được sự hướng dẫn, giúp đỡ tận tình của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Đồng Nai, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Phân viện nghiên cứu lịch sử quân sự thuộc Bộ Quốc phòng (bộ phận công tác ở phía Nam); của nhiều đồng chí cách mạng lão thành và những đồng chí có quá trình chiến đấu lâu năm trên mảnh đất này, tên công tác biên soạn cũng có những thuận lợi nhất định.

Tập 55 năm Thành phố Biên Hòa ra đời là kết quả của sự quyết tâm, kiên trì khắc phục hàng loạt khó khăn của những người làm công tác biên soạn. Tuy vậy, tập sơ thảo này không thể tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót trên nhiều mặt. Chắc chắn, lần in này chưa thỏa mãn được đầy đủ tình cảm của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân thành phố. Chúng tôi rất mong nhận được nhiều ý kiến phê bình, đóng góp bổ sung của cán bộ, nhân dân thành phố và bạn đọc gần xa để tập sơ thảo được hoàn chỉnh hơn ở những lần in sau.

Nhân dịp này, Ban Thường vụ Thành ủy thành phố Biên Hòa chân thành cảm ơn nhiều cơ quan Trung ương, của tỉnh Đồng Nai, các huyện bạn; của đồng chí và nhân dân thành phố đã có nhiều đóng góp cho tập sự thập 55 năm Thành phố Biên Hòa phát hành đúng vào dịp cả nước kỷ niệm 43 năm Ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Biên Hòa, ngày 02 tháng 09 năm 1988

ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Ban Thường Vụ Thành ủy

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Biên Hòa ngày nay là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Đồng Nai, với vị trí là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của tỉnh.

Ở vào vị trí mới, Biên Hòa chỉ còn là đơn vị tương đương cấp huyện, gồm toàn bộ quận Châu Thành (có lúc đổi lại là quận Đức Tu) của tỉnh Biên Hòa cũ. Diện tích tự nhiên hiện nay là 156 km², bằng 1/12 của tỉnh Biên Hòa trước năm 1975 và gần bằng 1/50 diện tích của tỉnh Đồng Nai, trong đó, khu căn cứ quân sự Long Bình, sân bay quân sự và khu công nghiệp Biên Hòa chiếm 56 km². Như vậy, địa bàn quản lý của thành phố Biên Hòa chỉ còn lại khoảng 100 km² gồm: khu vực dân cư, đất xây dựng và ruộng đất canh tác.

Nằm về hướng Tây Nam của tỉnh Đồng Nai, phía Bắc của thành phố giáp thị xã Vĩnh An; Nam và Tây Nam giáp huyện Long Thành và huyện Thủ Đức (TP Hồ Chí Minh); Đông giáp huyện Thống Nhất; Tây giáp huyện Thuận An và huyện Tân Uyên (tỉnh Sông Bé). Biên Hòa cách thành phố Hồ Chí Minh 30 km, cách thủ đô Hà Nội 1895 km và cách đặc khu Vũng Tàu—Côn Đảo 100 km đường bộ. TP Hồ Chí Minh, đặc khu Vũng Tàu—Côn Đảo và Biên Hòa hình thành khu tam giác có vị trí quan trọng về quân sự và kinh tế ở miền Đông Nam bộ.

Dân số hiện nay là 313.000 người, trong đó dân tộc Việt chiếm đại bộ phận (khoảng 95%), người Việt gốc Hoa khoảng 3,5%, còn lại là các dân tộc khác như: Nùng, Tày, Việt gốc Miên...

Biên Hòa có nhiều đường giao thông thuận lợi: Quốc lộ 1 từ thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh miền Trung và miền Bắc, có 20 km đi ngang thành phố Biên Hòa; quốc lộ 15 đi Vũng Tàu, xuất phát từ trung tâm thành phố qua các phường Thống Nhất, Tân Tiến, Tân Mai, Tam Hiệp, Tam Hòa ra nối với xa lộ đến xã Long Bình Tân; xa lộ mới có một đoạn 5 km tiếp giáp từ Cầu Hàng (phường Bửu Hòa) đến quảng trường tỉnh Đồng Nai. Ngoài ba đường quốc lộ, Biên Hòa còn có liên tỉnh lộ 16 nối liên tỉnh Đồng Nai với các tỉnh Sông Bé, Tây Ninh; liên tỉnh lộ 24 đi Trị An, tiếp giáp với quốc lộ 20 để ra Tây Nguyên. Tuyến đường sắt Bắc-Nam đi ngang thành phố, qua ga Biên Hòa (tại phường Thống Nhất) và ga Long Lạc (phường Tân Hòa). Đường sông từ Biên Hòa đến thành phố Hồ Chí Minh, ra biển và đến các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long rất thuận tiện.

Về tổ chức đơn vị hành chính, thành phố Biên Hòa có 17 phường và 5 xã, gồm :

- | | | |
|---------------------|---|---|
| 1. Phường Hòa Bình | | |
| 2. > Thanh Bình | } | trên cơ sở 5 khu phố
nội ô và 8 ấp ven của
xã Bình Trước (cũ)
nâng lên thành phường. |
| 3. > Quyết Thắng | | |
| 4. > Trưng Dũ | | |
| 5. > Quang Vinh | | |
| 6. > Thống Nhất | | |
| 7. > Tân Tiến | | |
| 8. Phường Tân Mai | } | trước kia là các ấp
của xã Tam Hiệp |
| 9. > Tam Hiệp | | |
| 10. > Tam Hòa | | |
| 11. > An Bình | | |
| 12. Phường Tân Biên | } | của xã Hồ Nai 2
(trước năm 1984) |
| 13. > Tân Hòa | | |

- | | |
|---------------------|---|
| 14. Phường Hồ Nai I |) từ đơn vị xã, nay do
điều kiện cơ cấu kinh
tế chuyển thành phường |
| 15. › Tân Phong | |
| 16. › Bửu Hòa | |
| 17. › Tân Vạn | |

18. Xã Tân Hạnh

19. › Tân Bửu (Tân Thành và Bửu Long nhập lại)

20. › Hiệp Hòa

21. › Hóa An

22. › Long Bình Tân

Về lịch sử hình thành, theo sử sách ghi lại: tỉnh Biên Hòa trước đây nằm ở trung tâm vùng đất Đồng Nai — Gia Định, là vùng đất mới ở phương Nam của Tổ quốc. Xưa kia, vùng đất này hoang vu, chưa được khai phá, dân cư còn thưa thớt. Từ thế kỷ 16, cha ông ta đến lập nghiệp vùng Đồng Nai. Họ là những người lao động cần cù, chất phác, không chịu nổi cảnh áp bức bóc lột, sưu cao thuế nặng của chế độ vua quan khắc nghiệt và đau lòng trước cảnh phân tranh của hai tập đoàn Trịnh — Nguyễn, đã tìm mọi cách vượt biển, băng qua rừng núi hiểm trở để đi xuống vùng đất mới phía Nam, cùng với những ngư dân bị chúa Nguyễn cưỡng bức đưa vào khai phá vùng đất sinh lý nước đọng nhưng rất phì nhiêu này. Cùng đến xây dựng địa phương lúc bấy giờ còn có số người Hoa di cư, có tình thân yêu nước, chống lại quân nhà Mãn Thanh xâm lược, theo Tổng binh Trần Thượng Xuyên đến vùng đất Biên Hòa (năm 1679). Ở đây, Trần Thượng Xuyên lập ra thương cảng Cù lao Phố (nay là xã Hiệp Hòa) để buôn bán với nước ngoài. Tàu thuyền phương Tây ra vào tấp nập hơn cảng Sài Gòn. Đến năm 1776, quân của Nhà Nguyễn Tây Sơn vào đánh bọn phân động Lý Tài, phá thương cảng này và lập ra thương cảng mới ở vùng Sài Gòn đến ngày nay.

Suốt gần một thế kỷ ra công khai phá và xây dựng vùng đất mới này, cha ông ta đã khai khẩn, mở mang và hình thành vùng đất Đồng Nai — Gia Định phì nhiêu, thu hút ngày càng nhiều lưu dân từ các nơi đến lập nghiệp.

Đến cuối thế kỷ 17 (1698), Nguyễn Hữu Cảnh (còn gọi là Nguyễn Hữu Kính) được lệnh của chúa Nguyễn Phúc Chu cho thành lập dinh Trấn Biên và dinh Phiên Trấn. Dinh Trấn Biên ra đời là tiền thân của tỉnh Biên Hòa, ở khu vực Đồng Nai được khai phá. Như vậy, lần đầu tiên, chính quyền người Việt được thành lập ở đất Đồng Nai—Gia Định.

Đến năm 1808, theo sách Gia Định Thành Thông Chí (của Trịnh Hoài Đức) thì từ Bình Thuận trở vào gọi là Gia Định thành, gồm 5 trấn: trấn Phiên An (có phủ Tân Bình); trấn Biên Hòa (có phủ Phước Long); trấn Định Tường (có phủ Kiến Hòa); trấn Vĩnh Thanh (có phủ Định Viễn) và trấn Hà Tiên. Năm 1832, vua Minh Mạng bãi bỏ chế độ trấn, lập ra 6 tỉnh là: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên mà nhân dân ta thường gọi là «Nam Kỳ Lục Tỉnh». Cả vùng đất miền Đông Nam bộ ngày nay là lãnh thổ của tỉnh Biên Hòa cũ và Biên Hòa đã trở thành địa danh lịch sử từ đó.

Từ cuối thế kỷ 18, lợi dụng sự cầu cứu của Nguyễn Ánh để đánh lại Nhà Nguyễn Tây Sơn, thực dân Pháp bắt đầu can thiệp vào nước ta và ngày càng bộc lộ dã tâm xâm chiếm nước ta để làm thuộc địa. Năm 1859, sau khi đánh chiếm xong Đà Nẵng, thực dân Pháp kéo vào đánh chiếm thành Gia Định. Một cánh quân do tên trung tá Ri-gôu đờ Giơ-nui-di (*Rigault de Genouilly*) kéo lên đánh chiếm Biên Hòa lần thứ nhất nhưng bị thất bại. Đến tháng 12 năm Tân Dậu (1861), bọn chúng huy động một lực lượng lớn hơn tiếp tục đến đánh chiếm Biên Hòa. Biên Hòa bị thất thủ rơi vào tay quân Pháp ngày 17-12-1861. Sau khi đánh chiếm xong 6 tỉnh ở Nam Kỳ, thực dân Pháp đặt lại là Xứ Nam kỳ thuộc Pháp (*Cochinchine Française*) và chia thành 21 tỉnh, tách tỉnh Biên Hòa ra thành lập thêm tỉnh Thủ Dầu Một, tỉnh Bà Rịa và thị xã Cáp (*Cap Saint-Jacques*) tức Vũng Tàu ngày nay.

Đến năm 1930, tỉnh Biên Hòa gồm 5 quận: Châu Thành, Tân Uyên, Xuân Lộc, Long Thành và Sông Bé; chia thành 17 tổng (có 10 tổng người Kinh và 7 tổng người

dân tộc thiểu số), 160 làng (nay là xã). Dân số cả tỉnh lúc bấy giờ khoảng 15 vạn người. Sau năm 1954, Pháp thua trận, để quốc Mỹ nhảy vào thay chân Pháp, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ, nhằm chia cắt lâu dài Tổ quốc ta, làm bàn đạp, để tấn công miền Bắc xã hội chủ nghĩa và thôn tính Đông Dương. Theo lệnh quan thầy Mỹ, Ngô Đình Diệm chia miền Nam thành 44 tỉnh để dễ dàng kiểm soát và đàn áp phong trào cách mạng. Biên Hòa lúc bấy giờ lại tiếp tục phân chia ra thành 4 tỉnh mới gồm: Biên Hòa, Long Khánh, Phước Long, Phước Thành, nhưng Biên Hòa vẫn là tỉnh quan trọng trong 10 tỉnh ở miền Đông Nam bộ. Đến năm 1957, tỉnh Biên Hòa gồm có 4 quận: Châu Thành (nay là thành phố Biên Hòa), Long Thành, Dĩ An và Tân Uyên; 11 tổng với 84 xã.

Năm 1963, quận Châu Thành đổi tên là quận Đức Tu; quận lỵ đặt tại xã Tam Hiệp; thành lập thêm quận Nhơn Trạch (tách ra từ quận Long Thành) và quận Công Thành (tách ra từ quận Châu Thành và quận Tân Uyên). Sau nhiều lần thay đổi, tách nhập, đến cuối năm 1974, tỉnh Biên Hòa có cả thảy 6 quận là: Đức Tu, Tân Uyên, Công Thành, Dĩ An, Long Thành và Nhơn Trạch, gồm 75 xã (đã bỏ cấp tổng) với 525.000 dân trong một diện tích là 190.300 ha. Dưới các chế độ bị lệ thuộc; bọn thống trị đều xem Biên Hòa là một địa bàn chiến lược quan trọng về quân sự và kinh tế đứng sau Sài Gòn, nên bộ máy thống trị cấp miền (Miền Đông) chúng đều đặt tại Biên Hòa.

Về phía cách mạng, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời thì tổ chức Đảng và cán bộ của Đảng đã được xây dựng ở trung tâm Biên Hòa. Năm 1948, ta đổi tên quận Châu Thành thành huyện Vĩnh Cửu. Cũng dịp này, thị xã Biên Hòa được thành lập trực tiếp dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa (gồm các khu phố nội ô tỉnh lỵ, bao quanh là một số xã thuộc huyện Vĩnh Cửu). Đến năm 1955, do yêu cầu nhiệm vụ mới của cách mạng khi Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam tiến hành chiến lược chiến tranh cục bộ, thị xã Biên Hòa nhập vào 2 huyện Vĩnh Cửu và Trảng Bom lấy tên là U1 (trung ương một tỉnh). Năm 1971, U1 lại nhập với Phước

Khu 5 thành Phần khu Thủ Biên. Đến năm 1972, thị xã Biên Hòa tách ra, nhập vào tỉnh Biên Hòa thuộc sự lãnh đạo của Khu ủy Miền Đông. Sau ngày được giải phóng, thị xã Biên Hòa trở thành thành phố trung tâm của tỉnh Đồng Nai khi 3 tỉnh Biên Hòa, Long Khánh và Bà Rịa được sát nhập lại thành một tỉnh. Với vị trí mới là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của tỉnh, so với tỉnh Biên Hòa cũ thì thành phố Biên Hòa hiện nay diện tích còn lại rất hẹp, gồm có xã Bình Trúcc cũ và một số xã lân cận sát nội ô (của quận Châu Thành cũ). Nhưng do vị trí chiến lược của thị xã, nên trong hai thời kỳ kháng chiến, địa bàn Biên Hòa vẫn là chiến trường nóng bỏng giữa ta và kẻ thù. Từ Trung ương cục, Khu ủy đến Tỉnh ủy luôn luôn quan tâm chỉ đạo, tạo mọi điều kiện cho thị xã Biên Hòa hoàn thành nhiệm vụ.

Trải qua những thăng trầm của lịch sử, qua nhiều thời kỳ, Biên Hòa đã lớn lên cùng với sự phát triển của vùng đất mới ở phía Nam Tổ quốc và lập nên biết bao chiến công trong các cuộc nổi dậy và kháng chiến chống kẻ thù xâm lược, bọn phong kiến và tay sai phản động.

Đầu thế kỷ 18, tại Biên Hòa đã có cuộc khởi nghĩa do Lý Văn Quang cầm đầu chống lại sự vơ vét, bóc lột của chúa Nguyễn (1747). Đến năm 1777, Nguyễn Huệ sau khi vào Biên Hòa đánh tan bọn phản động Lý Tài tại cảng Cù lao Phố, đã đặt tên cho vùng đất này là Biên Hùng (có nghĩa là vùng đất *biên* cương rất *anh hùng*). Năm 1833 đến 1835, nhân dân Biên Hòa tham gia cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi chống triều đình nhà Nguyễn (thời vua Minh Mạng) chuyên chế, hà khắc. Khi thực dân Pháp đến chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, nhân dân Biên Hòa hưởng theo ngọn cờ kháng chiến của Trương Định (1861—1864) và cùng với nghĩa quân Trương Định đánh gây nhiều thiệt hại cho quân Pháp: đốt một tàu chiến (tàu *Pri-moghe*) trên sông Đồng Nai, diệt nhiều đồn bót giặc và có lần làm chủ suốt đoạn đường không cho quân Pháp tiến quân từ Gia Định lên Biên Hòa. Sau ngày Trương Định mất, nhân dân làng Mỹ Khánh (nay là phường Bàu

Hòa) đã lập đền thờ ông tại làng, đền nay vẫn còn. Đến thế kỷ 20, mặc dù thực dân Pháp dùng nhiều thủ đoạn đàn áp khốc liệt các phong trào yêu nước của nhân dân nhưng không ngăn chặn được nhiều cuộc nổi dậy khởi nghĩa ở khắp nước. Tại Biên Hòa, ông Đoàn Văn Cự qui tụ được hàng nghìn người nổi dậy chống Pháp. Năm 1905, ông bị giặc sát hại, nhân dân lập đền thờ ông tại ấp Vĩnh Cửu (phường Tam Hiệp). Năm 1913, nhiều người yêu nước tại Biên Hòa tham gia tổ chức «Thiên địa hội» lấy tên là *Lâm Trung Trại*. Khi tổ chức bị giặc khủng bố, bắt được ông Ba Hàu và anh Hai Sở (thủ lĩnh của phong trào) đem ra xử bắn. Trước lúc bị hành hình, ông Ba Hàu dong dạc nói với những người có mặt: *Ta sinh làm tướng, tử làm thân! Chào bà con lần cuối cùng!*; còn anh Hai Sở thì hiên ngang nói: *Đây (chỉ bọn giặc) cứ bắn ta đi. Sở này không biết sợ đâu! Cái chết, ta thì như qui tân gia (tức về nhà mới)!*. Những sự tích anh hùng đó nay vẫn còn được nhân dân thành phố Biên Hòa truyền tụng. Cùng lúc với những cuộc nổi dậy trên, nhân dân Biên Hòa còn hưởng ứng phong trào Duy Tân (1872—1926), phong trào Đông Du (1908) của các nhà yêu nước Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, và phong trào *Hội kín* của Nguyễn An Ninh...

Sử sách còn ghi lại, Biên Hòa là vùng đất văn hóa. Trịnh Hoài Đức (là học giả vừa là nhà sử học ở thế kỷ 19) sinh tại làng Bình Trước, một trong «Gia Định tam gia», tác giả tập sách «Gia Định thành thông chí», «Gia Định tam gia thi tập». Sau khi ông mất, nhân dân Biên Hòa đã lập miếu thờ ông (tại phường Trung Dũng hiện nay). Ngoài ra, còn nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng ở đất Gia Định như: Ngô Nhân Tịnh, Bùi Hữu Tú, Bùi Tường Thoại... cũng là người Biên Hòa. Bà Nguyễn Thị Tôn, vợ ông Bùi Hữu Nghĩa, người làng Mỹ Khánh (nay là phường Bửu Hòa) đã lặn lội ra đế đô Huế dâng minh oan cho chồng khi triều đình bắt tội ông, đã làm rạng rỡ người phụ nữ Biên Hòa lúc bấy giờ, được triều đình tặng cho bà danh hiệu: *Tiết hạnh khả phong, thủy chung vẹn toàn*.

Biên Hòa cũng là vùng đất sớm phát triển tôn giáo: đạo

Phật đã có tại Biên Hòa gần bốn thế kỷ. Chùa Bửu Phong được xây cất từ năm 1616 trên núi Lò Gạch (xã Tân Bửu) vẫn còn đến ngày nay. Chùa Long Thiền (phường Bửu Hòa) xây cất từ năm 1664 và chùa Đại Giác (xã Hiệp Hòa) xây từ năm 1820. Văn Thánh Miếu (tức đại học thời phong kiến) được xây cất từ năm 1715 tại xã Tân Bửu (nay không còn di tích nữa). Năm 1979, các nhà khảo cổ học được sự phát hiện của nhân dân địa phương, đã khai quật được di chỉ đàn đá Bình Đa tại phường Âu Bình (cách trung tâm thành phố 7 km về hướng Đông Nam). Năm 1982, tiếp tục khai quật tại vùng Gò Me (phường Thống Nhất), cách trung tâm thành phố 3 km về hướng Nam một chiếc đàn đá nữa cùng với nhiều dụng cụ bằng đá và đồ gốm trong lớp đất văn hóa. Những khám phá về một khảo cổ quan trọng trên đã được dư luận trong và ngoài nước đặc biệt chú ý, nhất là việc tìm ra đàn đá Bình Đa được giới khảo cổ học đánh giá là một trong những sự kiện khảo cổ đáng chú ý nhất của thập niên 70 trở lại đây. Qua phân tích bước đầu cho thấy làng cổ Bình Đa và Gò Me đã hình thành rất sớm, đàn đá Bình Đa và Gò Me đã có cách đây 3000 năm. Biên Hòa rất vinh dự và tự hào về truyền thống văn hóa độc đáo mà giới khảo cổ đã nêu. Qua đàn đá Bình Đa—Gò Me, chúng ta thấy được chiều sâu của lịch sử vùng đất Biên Hòa, nơi chúng ta đang sống.

Mảnh đất giàu bản sắc văn hóa, có cuộc sống tinh thần phong phú cả trong hoạt động xã hội, còn là một vùng đất giàu về kinh tế. Sau khi thiết lập xong chế độ chính trị, bọn thực dân và tư bản người Pháp bắt đầu khai thác tài nguyên ở Nam kỳ. Năm 1906, tại Biên Hòa, bọn chúng đã tiến hành trồng cây cao-su tại đồn điền Suy-da-na (*Suzana*), từ đó phát triển thêm nhiều đồn điền xung quanh nội ô Biên Hòa và khắp cả miền Đông Nam bộ. Năm 1909, chúng thành lập nhà máy cưa Tân Mai lấy tên là BIF (*Bienhoa Industrielles & Forestières*) tức Kỹ nghệ lâm sản Biên Hòa để khai thác gỗ và các loại lâm sản khác. Trường bá nghệ Biên Hòa (nay là Mỹ thuật trang trí) được xây dựng từ năm 1903 để khai thác nghề khéo tay của nghệ nhân Biên Hòa. Trong bối cảnh đó, lực lượng công nhân cao-su ra đời

tương đối sớm tại Biên Hòa. Họ là những nông dân, nhân dân lao động không chịu nổi cảnh áp bức nặng nề của chế độ vua quan ở các tỉnh phía Bắc và Trung bộ chạy vào làm phu cho bọn tư sản Pháp ở các đồn điền cao-su, lại tiếp tục hứng chịu cảnh bóc lột khắc nghiệt của bọn tư sản người Pháp rất tàn tệ. Sau năm 1954, thực dân Pháp thua chạy, bọn Mỹ nhảy vào và đến năm 1957, chúng xây dựng khu công nghiệp Biên Hòa, giai cấp công nhân công nghiệp hiện đại được hình thành.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào cách mạng ở Biên Hòa chuyển từ tự phát sang tự giác. Mục đích và lập trường đấu tranh của Đảng thâm nhập rất sớm vào công nhân các đồn điền cao su. Năm 1930, phong trào công nhân đồn điền Phú Riêng đã có chi bộ Đảng lãnh đạo; tại nhà máy cửa BIF đã có phong trào đấu tranh của công nhân. Trung tâm Biên Hòa là nơi thành lập Tỉnh ủy Biên Hòa. Trong thời kỳ đánh Mỹ, trên chiến trường Biên Hòa đã làm nên những chiến công vang dội: Cuộc phá khám lớn nhất ở miền Nam (năm 1956) do Đảng lãnh đạo đã giành thắng lợi lớn, hơn 500 đồng chí và đồng bào yêu nước ở nhà lao Tân Hiệp được giải thoát; ngày 8-7-59, đội biệt động vũ trang Biên Hòa tiến công diệt 2 tên Mỹ trong phái đoàn MAAG — là những tên Mỹ đầu tiên bị diệt khi chúng trực tiếp xâm lược miền Nam; trận tấn công sân bay Biên Hòa đêm 31-10-1964; trận đánh tổng kho hậu cần Long Bình đêm 28-10-1966 là những trận đánh xuất sắc... Phong trào diệt ác — phá kềm, đấu tranh chính trị, đấu tranh binh vận của công nhân, bà con tiểu thương, học sinh thành phố Biên Hòa đã tạo nên sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, cùng với toàn miền Nam và cả nước giành lấy thắng lợi vĩ đại vào mùa Xuân lịch sử 1975.

Cũng kể từ đó, quê hương sạch bóng quân thù, Biên Hòa cùng với Đồng Nai và cả nước tiếp tục đi theo con đường mà Đảng đã vạch ra từ năm 1930: tiến lên chủ nghĩa xã hội.

THU VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

Hơn 50 năm qua, lịch sử của Biên Hòa được vun đắp bằng những truyền thống cách mạng quý báu. Máu đất này đã thấm biết bao mồ hôi nước mắt và xương máu của bao thế hệ cha ông, của biết bao đồng bào, đồng chí chiến sĩ yêu nước trong cuộc chiến đấu chống chế độ phong kiến bán nước, chống chế độ thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa hành trưởng bá quyền Trung Quốc... Thành quả lịch sử mãi mãi là tài sản quý báu của nhân dân thành phố Biên Hòa.

Ngày nay, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, với vị trí trung tâm của tỉnh, Biên Hòa không ngừng vươn lên trên khắp mọi lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, du lịch; ra sức xây dựng thành một thành phố xã hội chủ nghĩa có nếp sống văn minh, giàu đẹp của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

CHƯƠNG I

TỪ ĐỐM LỬA CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN ĐẾN PHONG TRÀO DÂN CHỦ (1930 - 1939)

**BIF: cơ sở Đảng đầu tiên
của thành phố Biên Hòa.**

Kể từ khi thực dân Pháp xâm lược và đặt ách thống trị lên đất nước ta, nhân dân thành phố Biên Hòa đã liên tiếp nổi dậy chống bọn cướp nước và bán nước. Dưới ách áp bức bóc lột nặng nề của chế độ thực dân và bọn phong kiến tay sai, lòng yêu nước nồng nàn và khao khát độc lập—tự do đã hun đúc cho nhân dân thành phố Biên Hòa ý chí đấu tranh kiên cường bất khuất. Nhưng, trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, những cuộc đấu tranh để giành lại độc lập và tự do đều bị thất bại, vì nhân dân ta chưa có một tổ chức cách mạng có đường lối thích hợp với thời đại mới, chưa có một lực lượng lãnh đạo có năng lực đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thành công.

Năm 1920, đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, người cộng sản Việt Nam đầu tiên đứng hẳn về phía Quốc tế cộng sản hoạt động. Từ đó, Người ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào Việt Nam, chuẩn bị cho giai cấp công nhân Việt Nam thành lập đảng của mình để lãnh đạo cách mạng theo đúng xu thế của thời đại lịch sử.

Tại hai tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa, từ năm 1929 đã có những hoạt động của các tổ chức tiền thân Đảng Cộng sản Việt Nam như : Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, Tân Việt cách mạng đảng, Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng. Những hoạt động đó đã giác ngộ lòng yêu nước của nhân dân thành phố Biên Hòa, nhất là ở lứa tuổi thanh niên trong công nhân và học sinh.

Năm 1929 các đồng chí : Ngô Gia Tự, Nguyễn Xuân Cừ, Châu Văn Liêm, Trần Thị Đây, Nguyễn Đức Văn, Lê Quang Sung ... đã về hoạt động xây dựng cơ sở cách mạng tại đồn điền cao-su Phú Riêng, cơ sở cao-su An Lộc, đê-pô (1) xe lửa Dĩ An và nhà máy cửa BIF ... Các đồng chí phải làm thuê tại các hãng, sở này để lấy tiền vừa sinh sống, vừa hoạt động cách mạng.

Từ ngày 3 đến 7-2-1930, tại bán đảo Cầu Long (Hương Cảng), đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì cuộc họp thống nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Sự xuất hiện Đảng cộng sản Việt Nam trên vũ đài chính trị là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta, là sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển của cách mạng.

Trên cơ sở phong trào công nhân phát triển và các tầng lớp nhân dân ngày càng thức tỉnh, Đảng chủ trương phát động một cao trào cách mạng rộng lớn trong cả nước nhân ngày Quốc tế lao động (01-5-1930).

Thực hiện chủ trương này, ngày 28-4-1930, các đồng chí ta tại BIF đã rải truyền đơn xung quanh nhà máy và trên một số đường phố chính trong thị xã Biên Hòa lúc bấy giờ. Tiếp đến, ngày 01-5-1930, tại BIF và đê-pô Dĩ An, toàn bộ công nhân đi làm cùng với các yêu sách : ngày làm 8 giờ ; không được gúp phạt, không được đánh đập công nhân ; không được bắt công nhân làm việc ngày chủ nhật.

(1) đê pô : Dépôt artillerie de DT An - Cơ sở dự trữ máy móc thiết bị, phụ tùng sửa chữa và lắp ráp của ngành đường sắt ở Việt Nam đặt tại DT An, nơi có đồng đảo công nhân lao động người Việt Nam vào làm công lại đây.

Cuộc đấu tranh mở đầu của công nhân BIF tuy không đạt được kết quả hoàn toàn, nhưng bọn chủ không dám đàn áp. Chúng hứa hẹn không hề cho đám tay chân đánh đập anh em và cũng hạn chế việc bắt công nhân làm việc trong ngày chủ nhật.

Từ tháng 3 đến tháng 9-1930, cơ sở cách mạng ở BIF còn tiếp tục tổ chức rải truyền đơn nhiều lần nhân kỷ niệm ngày quốc khánh nước Pháp (14-7) và kêu gọi nhân dân ủng hộ Xô-viết Nghệ Tĩnh.

Hoạt động tại hai cơ sở công nghiệp quan trọng (BIF và đê-pô Dĩ An) là các đồng chí : Châu Văn Liêm, Phạm Hữu Lầu và Nguyễn Trọng Nghĩa... Các đồng chí là công nhân nhưng cũng là những người hoạt động cách mạng có tổ chức, đã giáo dục và giác ngộ số thanh niên công nhân, tập hợp anh em trong các hội bóng đá, bơi lội, luyện tập võ thuật... Do hoạt động cách mạng tại BIF có kết quả, nhân dân lao động ở thị xã Biên Hòa và công nhân cao-su ở các sở : Bà Đầm (Long Thành), thầy Tư An và Phủ Thanh (1) rất ca ngợi và quý mến công nhân BIF. Nhằm không để cho ảnh hưởng của BIF lan rộng, tên Mác-ti (Marty), chánh chủ tỉnh Biên Hòa (2) kiêm mật thám, đã cho bọn tay chân chui vào BIF để tìm dấu vết của cách mạng. Vì chưa có kinh nghiệm che dấu lực lượng, đến cuối tháng 10-1930, bọn địch ở Biên Hòa đã phá vỡ tổ chức cách mạng tại đây.

BIF là nơi có cơ sở cách mạng đầu tiên của thành phố Biên Hòa. Tuy hoạt động cách mạng của công nhân BIF không rầm rộ và kéo dài, nhưng những hoạt động của nó là những phát súng đầu tiên của lực lượng cách mạng TP Biên Hòa nổ vào bọn thực dân Pháp và tay sai của chúng tại BIF, tiêu biểu cho ý chí kiên cường và tinh thần yêu nước của giai cấp công nhân ở thành phố. Giai cấp công nhân tại BIF đã đi đầu trong cuộc đấu tranh cách mạng của thời đại mới do Đảng lãnh đạo.

(1) Phủ Thanh : Cai tổng Võ Hà Thanh khi về hưu được phong tước hàm «Phủ danh dự» (Phủ honoraire), có sở cao-su ở Tân Phú, Thiên Tân (IX Vĩnh An).

(2) Chánh chủ tỉnh (còn gọi là Chánh tham biện) : chức tỉnh trưởng.

Năm 1931, bọn thống trị tại Đông Dương mở chiến dịch khủng bố trắng phong trào cách mạng Việt Nam. Hàng ngàn cán bộ, đảng viên và quần chúng bị chúng bắt tù đầy; nhiều cán bộ ưu tú của Đảng bị địch hãm hại. Đến cuối năm 1932, tại Nam kỳ không còn Xứ ủy, một số các đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (1930) tại Biên Hòa bị mất liên lạc (1) phải phân tán đi các cơ sở để tránh sự khủng bố của kẻ thù. Phong trào cách mạng tại thành phố Biên Hòa bị tạm lắng một thời gian dài.

Nhân dân TP Biên Hòa trong cao trào vận động Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936—1939).

Ở Pháp, tháng 01 năm 1936, Mặt trận nhân dân Pháp (2) chống phát-xít được thành lập. Tháng 4-1936, trong cuộc tổng tuyển cử, các đảng phái tham gia Mặt trận nhân dân giành được thắng lợi (56,6% tổng số phiếu bầu). Tháng 6-1936, chính phủ phái tả ở Pháp lên cầm quyền. Ra đời trong cao trào đấu tranh của nhân dân chống phát-xít, chính phủ mới ở nước Pháp buộc phải thi hành một số quyền lợi cho quần chúng lao động trong nước và ở các thuộc địa mà cương lĩnh của Mặt trận nhân dân đã đề ra.

Đối với các nước thuộc địa, cương lĩnh của Mặt trận nhân dân Pháp có nêu thành lập phái đoàn của quốc hội Pháp đi điều tra tình hình ở các thuộc địa, toàn xá (3) tù chính trị, ban hành các quyền tự do dân chủ, quyền tự do nghiệp đoàn, cải thiện điều kiện làm việc cho giới lao động.

Những sự kiện chính trị ở Pháp có vũ mạnh mẽ nhân dân Đông Dương. Và phong trào cách mạng ở Đông Dương được hồi phục sau thời kỳ bị khủng bố khốc liệt.

(1) Các đồng chí: Quách Tý, Lưu Văn Văn, Lưu Văn Việt, Trần Mùi, đ/c Bá.

(2) Còn gọi là Mặt trận bình dân Pháp, do Léon Blum làm thủ lĩnh. Khi trúng cử làm thủ tướng nước Pháp, Léon Blum thực hiện nói rộng dân chủ ở các nước thuộc địa.

(3) Thô hớt.

Bên cạnh thuận lợi, cách mạng Đông Dương cũng còn những khó khăn lớn: Kẻ trực tiếp nắm quyền thống trị Đông Dương là bọn phát-xít ở thuộc địa. Chúng vẫn được sự che chở và ủng hộ mạnh của những thế lực phản động trong quốc hội và chính phủ Pháp. Chúng vẫn dùng mọi biện pháp kìm hãm cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, sẵn sàng đàn áp thẳng tay khi tình hình chính trị thay đổi có lợi cho chúng.

Do những thủ đoạn vơ vét, bóc lột của thực dân Pháp và bọn tay sai, giai cấp công nhân bị thất nghiệp đến 30%; giai cấp nông dân hết sức điêu đứng vì sưu cao thuế nặng, bị bọn cường hào ức hiếp chiếm đoạt tài sản, ruộng đất... Chế độ thực dân, phong kiến đưa nông dân đến cảnh đói khổ, dốt nát, cực nhục và luôn luôn lo sợ về những tai họa xã hội sẽ đến bất cứ lúc nào, Các tầng lớp lao động khác làm không đủ ăn, không kiếm được việc làm. Nạn thất nghiệp, trộm cướp, dĩ điểm lan tràn. Tất cả các tầng lớp xã hội kể trên đều có một nguyện vọng bức thiết là đòi quyền sống. Đó là động lực rất mạnh để phát động đông đảo nhân dân vùng dậy đấu tranh.

Tháng 7-1936, tại Thượng Hải (Trung Quốc), Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp hội nghị định ra đường lối, phương pháp tổ chức đấu tranh cách mạng trong thời kỳ mới. Hội nghị chủ trương chuyển hình thức tổ chức bí mật, không hợp pháp sang hình thức công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp nhằm tập hợp và hướng dẫn đông đảo quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, thông qua đó giáo dục và phát triển đội ngũ cách mạng.

Hội nghị Trung ương Đảng tháng 7-1936 đã đưa cách mạng Đông Dương chuyển lên một cao trào mới. Mở đầu là phong trào Đông Dương đại hội. Ngày 26-7-1936, được phong trào quần chúng khích lệ, ông Nguyễn An Ninh — một trí thức yêu nước có tên tuổi — đứng ra đăng lời kêu gọi trên báo «Tranh đấu» (*La Lutte*) cổ động thành lập Ủy ban trừ bị tiến tới triệu tập Đông Dương đại hội. Lời kêu

gọi lập tức được nhiều tầng lớp xã hội và tổ chức chính trị hoan nghênh, hưởng ứng.

Tháng 8-1936, trong bức thư ngỏ, Đảng ta kêu gọi các đảng phái, các tổ chức chính trị và toàn thể nhân dân Đông Dương đoàn kết lại thành lập Mặt trận đấu tranh bảo vệ hòa bình, đòi các quyền tự do, dân chủ và cơm áo. Đảng kêu gọi thành lập ngay các ủy ban hành động ở khắp nơi để tập hợp quần chúng và vận động họ bầu đại biểu đi dự Đông Dương đại hội.

Từ giữa tháng 8-1936, tại thị xã Biên Hòa, nhiều truyền đơn được phân phát cho nhân dân. Tại đại lý báo chí của đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, báo chí công khai hàng ngày tuyên truyền cho «Đông Dương đại hội» được các đồng chí: Nghĩa, Khoai, Hai Đăng, Chín Văn phát hành tận tay độc giả. Tại rạp Trần Điền (1), nói chuyện tại cuộc mít-tinh, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã nêu rõ mục đích ý nghĩa của phong trào Đông Dương đại hội. Đồng chí đã hướng dẫn nội dung cho các cuộc thảo luận của quần chúng và lập «bản dân nguyện». Đến tháng 9-1936, phong trào nhân dân hưởng ứng Đông Dương đại hội đã lan nhanh hầu hết các xã thuộc quận Châu Thành. Những ủy ban hành động mạnh như: Ủy ban hành động nhà máy BIF, làng Tân Phong, giới xe lô, giáo chức. Ủy ban hành động nhà máy BIF đã in truyền đơn phân phát rộng rãi trong công nhân, rải và dán nhiều nơi trong thị xã. Nội dung của truyền đơn là tố cáo hành động bóc lột tàn tệ của chủ hãng và bọn tay sai: trả lương cho công nhân rẻ mạt, không đủ sống; kêu gọi công nhân đoàn kết đấu tranh đòi được lập nghiệp đoàn; đòi chủ hãng phải thực hiện chế độ lao động ngày làm 8 giờ; không được cúp phạt; tăng lương cho công nhân...; ủng hộ Đông Dương đại hội.

(1) Rạp Trần Điền: rạp hát cải lương «Vạn Khánh Hưng» do Hoa kiều tên Trần Điền lập ra ở góc đường Phan Chu Trinh - Lý Thường Kiệt. Đến năm 1954, do mặt bằng không còn thích hợp nên đã bỏ, thay vào đó là dãy phố lâu (nay là cửa hàng tiêu-thố công nghiệp thành phố).

Phòng ngũ Thanh Phong (2) là trụ sở của Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa. Tại đây, các đồng chí đã tiếp nhận những bản nguyện vọng của dân, thu thập hàng ngàn chữ ký để gửi cho Gô-đa (đại diện chính phủ Pháp đến Đông Dương); phát hành sách báo tiểu bộ và chỉ đạo cho ủy ban hành động các địa phương hoạt động. Đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa lúc bấy giờ rất được nhân dân kính trọng và bọn cầm quyền tại Biên Hòa cũng rất kiêng nể.

Trước hoạt động mạnh mẽ gây được ảnh hưởng ngày càng lớn của Ủy ban hành động các cấp tại Biên Hòa, bọn thực dân vô cùng hoảng sợ, vội vàng ra lệnh giải tán các ủy ban hành động và cấm tất cả các cuộc hội họp của nhân dân. Tuy phong trào Đông Dương đại hội bị địch cấm đoán, nhưng nhân dân cả nước được lay động thức tỉnh và đoàn kết đấu tranh với kẻ thù. Phong trào đấu tranh càng lên cao và đi sâu vào các tầng lớp nhân dân.

Tháng 01 năm 1937, tại nhà máy BIF, được sự chỉ đạo chặt chẽ của chi bộ Đảng, sự hỗ trợ tích cực của nhân dân các xã : Bình Trước, Tân Mai, Tam Hiệp, có sự đồng tình hưởng ứng của công nhân đê-pô Dĩ An, toàn bộ công nhân nhà máy BIF nhất loạt đình công. Khẩu hiệu của cuộc đấu tranh lần này cũng là những khẩu hiệu mà trước đây Ủy ban hành động nhà máy đã nêu. Tăng lương 10% là mục tiêu chính của cuộc đấu tranh. Ngoài ra, các đồng chí còn chỉ đạo công nhân đấu tranh đòi được thành lập nghiệp đoàn (nếu lần này không kết quả thì lần sau sẽ tiếp tục đấu tranh cho mục tiêu này). Qua nửa tháng kiên trì vượt khó khăn thử thách của cuộc sống hàng ngày, nhờ sự ủng hộ của đông đảo nhân dân, công nhân BIF đã được bọn chủ giải quyết tăng lương ngay và cuộc đình công kết thúc. Phát súng mở đầu của công nhân BIF đã nhằm trúng mục tiêu, tạo được khí thế và niềm tin cho phong trào đấu tranh

(2) Phòng ngũ Thanh Phong (tức Khách sạn), nay là đền công an phường Hòa Bình.

cách mạng chung của tỉnh Biên Hòa. Thắng lợi của BIF đã khẳng định quyết tâm của Tỉnh ủy Biên Hòa là đây mạnh hơn nữa phong trào cách mạng của nhân dân. Suốt 2 năm 1937—1938, công nhân BIF vẫn tiếp tục đấu tranh nhiều lần với chủ hãng.

Từ tháng 2 đến tháng 6 - 1937, nhân dân các xã Tân Phong, Bửu Long, Tân Mai, Bửu Hòa, Hòa An được sự chỉ đạo của chi bộ Đảng đã chống lại bọn chủ đất, chủ ruộng, cai tổng, hội tề, đòi bãi bỏ lệ làng. Từ xưa có câu ví «*phép vua thua lệ làng*». Lệ làng là món nợ của người nghèo ở nông thôn không biết bao giờ mới trả hết đối với làng xã. Trước sức mạnh mới của nhân dân, bọn kềm kẹp ở cơ sở rất ngạc nhiên và phải chịu nhượng bộ : chúng giảm hẳn sự bắt buộc nhân dân đóng góp tiền của và các chi phí cúng lễ, đón tiếp.

Từ cuối năm 1936, Xứ ủy Nam kỳ phân công hai đồng chí : Trương Văn Bang và Cao Nồng Lãnh về Biên Hòa công tác. Tỉnh ủy Đảng Cộng sản Biên Hòa được thành lập. Đồng chí Trương Văn Bang làm Bí thư. Nhiều đồng chí đảng viên gốc người Biên Hòa lần lượt trở về hoạt động. Tại nhà máy BIF, hai chi bộ Đảng được xây dựng, mỗi chi bộ có 3 đảng viên. Chi bộ thợ máy do đồng chí Đáo làm Bí thư ; chi bộ lao động giản đơn do đồng chí Tư Ngàn làm Bí thư. Xã Bửu Long hình thành chi bộ do đồng chí Tư Xí làm Bí thư. Hai xã Tân Phong, Bình Ý hình thành liên xã ủy.

Thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương tại hội nghị tháng 3 và tháng 7 - 1937 về công tác tổ chức của Đảng trong phong trào Mặt trận dân chủ, các chi bộ Đảng tại thành phố Biên Hòa đã khuyến khích vận động nhân dân lao động nhiều ngành, giới vào tổ chức *ái hữu* (1). Mặc dù bọn cầm quyền chưa cấp giấy phép, nhưng công nhân và lao động các ngành nghề cứ

(1) Một tổ chức hoạt động công khai nhằm tương trợ lẫn nhau giữa những người cùng ngành nghề.

chủ động lập ra hội ái hữu của ngành mình, có trụ sở công khai, ra lời kêu gọi quần chúng giới mình gia nhập hội, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đời sống và việc làm. Một phong trào có sức cuốn hút mạnh: hội ái hữu học sinh, hội ái hữu thợ nề... Các hội mạnh được nhân dân tin nhiệm và mọi ngành giới ủng hộ là: hội ái hữu giáo chức do ông Hồ Văn Thế làm hội trưởng, hội ái hữu công nhân ĐIF có hàng ngàn hội viên tham gia. Ở các xã có các hội đá banh (bóng đá), nhà vàng (tức mai táng), hội chùa, hội cấy... Nhiều quần chúng yêu nước là cơ sở tốt của Đảng tại Biên Hòa như: anh Lành, anh Bảy Bui (Trần Thế Bui) đã nuôi dưỡng cán bộ Đảng hoạt động suốt một thời gian dài.

Thông qua những hình thức tổ chức giản đơn, Đảng ta đoàn kết được hàng ngàn quần chúng tại thị xã. Các đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, Phạm Văn Khoai, Đắc, Hai Đăng, Lưu Văn Vãn, Hồ Văn Đại, Nguyễn Văn Ký đã bám sát các tổ chức này để hoạt động. Các đồng chí là những phát hành viên, tuyên truyền viên tích cực của Đảng. Đường lối, chủ trương của Đảng được các đồng chí phổ biến sâu rộng trong nhân dân qua các hội. Đảng vận động nhân dân mua báo, đọc báo chỉ tiến bộ. Từ các hội ái hữu, một phong trào mua báo rầm rộ được các hội viên hưởng ứng tích cực. Các tờ báo *Dân chúng*, *Tiến lên*, *Tranh đấu*, *Lao động*... được nhiều người ham đọc. Nhân dân còn tự nguyện đóng góp tiền ủng hộ báo «*Dân chúng*».

Cuối năm 1937, Đảng phát động phong trào truyền bá quốc ngữ giúp nhân dân lao động thoát nạn mù chữ, đọc được sách báo và nâng cao sự hiểu biết về cách mạng. Hội ái hữu giáo chức đã đi đầu trong việc thực hiện chủ trương này. Nhiều nhà giáo tiến bộ, có uy tín với nhân dân như: Hồ Văn Thế, Hồ Văn Tam, Nguyễn Văn Nữ, thầy giáo Toái... là những người đóng góp nhiều công sức, dạy cho nhân dân nghèo học ngoài giờ mà không nghĩ đến tiền thù lao.

Nạn đói mà sau này Bác Hồ gọi là «giặc đói» — là hậu quả của chính sách cai trị thâm độc của bọn thực dân.

Lúc bấy giờ, Trung ương Đảng thông qua cáo báo *Dân Chúng*; *Lao Động* đã phổ biến đường lối, chủ trương, lời kêu gọi, thậm chí những cuộc đấu tranh phê bình, tự phê bình của nội bộ Đảng cũng đưa lên báo. Tờ báo lúc ấy phát hành đi vào nhân dân rất nhanh. Nhân dân ta, nhiều người không đọc được vẫn bỏ tiền mua rồi nhờ người khác đọc cho nghe. Đọc xong, họ lấy lại cất giữ tờ báo cẩn thận. Khi bọn phát-xít lên nắm quyền ở Pháp, bọn cầm quyền ở Đông Dương trở mặt khùng bở, rất nhiều người bị chúng bắt chỉ vì trong nhà có chứa một tờ báo *Dân Chúng*!

Nhân dân ở lứa tuổi từ 40 đến 50 còn ham thích (say mê là đằng khác) học chữ quốc ngữ còn đề ngâm nga thơ Lục Vân Tiên, thơ Thôi Khanh—Châu Tuấn, Kiều, v.v... Phong trào truyền bá quốc ngữ lan nhanh tại thành phố Biên Hòa. Nó lặng lẽ vào từng nhà, được nhiều gia đình, nhiều người tiếp đón ân cần. Chỉ trong vòng 6 tháng, hầu hết các xã của quận Châu Thành đã có hàng ngàn người biết đọc, biết viết; biết bao nhiêu người sung sướng tự hào vì một lẽ giản đơn là đã đọc được *nhật trình* (1). Niềm tự hào phổ biến lúc bấy giờ của nhân dân thành phố Biên Hòa là biết đọc, biết viết—một việc làm mà từ nay họ không cần vay mượn nữa.

Từ năm 1939, bọn thống trị tại Đông Dương ráo riết tiến hành khủng bố phong trào cách mạng. Bắt bớ, tù đầy lại diễn ra. Xã Bình Ý (Quận Châu Thành) bị bọn Pháp và tay sai ghép vào tội «Xã cộng sản». Nhiều đồng chí hoạt động tại thành phố Biên Hòa bị bắt, lưu đày biệt xứ. Bà Rá, Tà Lát—nơi giam giữ cán bộ Đảng ta đủ các cấp từ ủy viên Trung ương đến đảng viên. Phong trào cách mạng tại thành phố Biên Hòa lại tạm lắng.



(1) *Nhật trình*: tức tờ báo hàng ngày.

Có chủ trương sáng tạo, đúng đắn của Trung ương Đảng, với tinh thần yêu nước có sẵn, nhân dân thành phố Biên Hòa sẵn sàng hành động cách mạng. Lịch sử của thời kỳ 1936—1939 là lịch sử đấu tranh cách mạng của lực lượng chính trị. Quân chúng trực tiếp đương đầu với bọn thống trị trong khi bộ máy đàn áp của chúng vẫn nguyên vẹn. Những yêu cầu về dân sinh, dân chủ; những cuộc đấu tranh chính trị diễn ra ngay trước mũi kẻ thù, nhưng bộ máy đàn áp của chúng hành động yếu ớt. Thời kỳ lịch sử này diễn ra tại thành phố Biên Hòa không quá ba năm. Những phong trào lớn do Đảng phát động đều được nhân dân yêu nước tại Biên Hòa hành động tích cực. Hiệu quả của mỗi phong trào có khác nhau, nhưng kết quả chung nhất ai cũng được thụ hưởng là niềm tin vào sức mạnh của chính mình. Cuộc sống của người dân mất nước đã làm cho từng con người không còn tin vào chính mình, giao số mệnh của mình cho Trời, Phật quyết định. Qua các cuộc đấu tranh trực diện với kẻ thù đòi quyền sống, quyền làm con người trong thời kỳ này, ai ai cũng học được bài học vỡ lòng:

«Một cây làm chẳng nên non,

Ba cây chụm lại thành hòn núi cao».

Dù là đảng viên công sản hay hội viên của Hội ái hữu, ai cũng thuộc lòng câu ca dao này. Còn nhiều cán bộ (cán bộ cấp tỉnh), đảng viên chưa hiểu chủ nghĩa Mác Lê-nin, nhưng bài học này ai cũng ứng dụng được. Bài học này được áp dụng cho từng cuộc đấu tranh, cho từng phong trào và kết quả trông thấy.

Thắng lợi của thời kỳ này còn là kết quả qua những hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa — người công sản hoạt

động trong thời kỳ này rất nghèo tiền của nhưng lại giàu khí tiết, phẩm chất. Nội dung sinh hoạt Đảng lúc bấy giờ luôn nhắc nhở đảng viên: đứng trước kẻ thù không run sợ, khai báo; thấy tiền tài, sắc đẹp không sa ngã; không vì giàu sang mà bỏ cách mạng. Người cộng sản phải trung thực, không được phép nói một đằng làm một nẻo. Họ đã đi vào dân bằng con đường thuyết phục và tự giác. Họ nhận thức đơn giản nhưng sâu sắc khi bước vào con đường làm cách mạng chuyên nghiệp; không có dân thì con đường cách mạng đã bị đóng kín. Cho nên họ thật sự yêu dân, làm cho dân với tất cả sức lực, trái tim và khối óc.

Và... dân cũng nhận thức được: Họ tin những con người này — những người cộng sản. Và... họ tự giác hành động cách mạng, sẵn sàng đi theo Đảng.

CHƯƠNG II

NĂM THỜI CƠ, VÙNG LÊN KHỞI NGHĨA CƯỚP CHÍNH QUYỀN (1940 - 1945)

Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Tháng 6-1940, đế quốc Pháp đầu hàng phát-xít Đức. Tháng 9-1940, thực dân Pháp ở Đông Dương đầu hàng phát-xít Nhật, cam chịu cho Nhật chiếm đóng Đông Dương. Từ đó, nhân dân thành phố Biên Hòa cũng như nhân dân Việt Nam bị hai tên phát-xít Nhật — Pháp áp bức, bóc lột nặng nề.

Do chiến tranh và do phải cung cấp cho bộ máy chiến tranh của Nhật, thực dân Pháp đã đặt nhiều chính sách hà khắc hơn trước như : tăng sưu thuế, cưỡng bức nhân dân mua, đảm phụ quốc phòng, mua vé xổ số, phát hành công trái. Nông sản, lâm sản và nhiều phương tiện bị chúng trưng thu, trưng mua. Nạn đầu cơ, lạm phát, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt, sinh hoạt đắt đỏ. Đời sống nhân dân càng khó khăn và không ổn định. Công nhân viên, chức phải tăng giờ làm, tiền lương giảm. Thanh niên bị bắt lính đưa sang Pháp và đưa đi đánh nhau ở biên giới Cam-pu-chia—Thái Lan. Các quyền tự do dân chủ giành được trong thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936—1939) bị xóa bỏ. Những người hoạt động chính trị bị truy lùng bắt bớ.